

061 (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Sóc Trăng

(Cont.) *Some key socio-economic indicators of Soc Trang*

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Sơ bộ Prel. 2021
Tỷ suất chết của trẻ em dưới một tuổi (Trẻ em dưới 1 tuổi tử vong/1000 trẻ em sinh ra sống) <i>Infant mortality rate (Infant deaths per 1000 live births)</i>	13,1	12,9	12,7	12,6	12,4	12,1	12,3
Tỷ suất chết của trẻ em dưới năm tuổi (Trẻ em dưới 5 tuổi tử vong/1000 trẻ em sinh ra sống) <i>Under five mortality rate (Under five deaths per 1000 live births)</i>	19,6	19,3	19,0	18,9	18,6	18,1	18,4
Tỷ suất nhập cư (‰) - <i>In-migration rate (‰)</i>	1,0	1,2	0,7	0,5	1,2	1,0	0,9
Tỷ suất xuất cư (‰) - <i>Out-migration rate (‰)</i>	6,2	6,6	8,3	15,0	16,2	20,3	21,8
Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ (%) <i>Percentage of literate population at 15 years of age and above (%)</i>	88,5	87,7	89,9	89,8	89,3	90,1	90,2
MẬT ĐỘ DÂN SỐ (Người/km²) POPULATION DENSITY (Person/km²)	373	371	368	365	364	363	366
LAO ĐỘNG - LABOUR							
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (Nghìn người) <i>Labour force at 15 years of age and above (Thous. persons)</i>	658,8	682,7	674,4	670,1	657,9	641,9	614,1
Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế (Nghìn người) <i>Employed population at 15 year of age and above by kinds of economic activity (Thous. persons)</i>	640,6	658,3	655,3	649,5	639,4	629,6	596,9
Phân theo khu vực kinh tế - <i>By economic sector</i>							
Nông, lâm nghiệp và thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	367,2	352,7	322,4	312,4	302,9	263,7	301,3
Công nghiệp và xây dựng <i>Industry and construction</i>	70,8	85,4	110,0	112,4	127,7	142,8	117,7
Dịch vụ - <i>Service</i>	202,6	220,1	222,9	224,7	208,9	223,1	177,8
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%) <i>Percentage of trained labour force at 15 years of age and above (%)</i>	9,7	10,0	10,4	11,4	12,2	15,2	11,9
Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Unemployment rate of labour force at working age (%)</i>	3,1	3,8	3,0	3,4	2,9	2,1	3,1
Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi (%) <i>Underemployment rate of labour force at working age (%)</i>	4,9	4,2	3,4	3,2	2,6	3,1	5,6